

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2023/HS-PT

Ngày: 01- 6 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kiều Duyên.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Tư.

Ông Lâm Văn Năm.

- Thư ký phiên tòa: bà Tăng Thị Bích Trâm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
bà Lê Thị Mỹ Ngoan - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 06 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 14/2023/TLPT-HS ngày 13 tháng 02 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Thành Đ do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 54/2022/HS-ST ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: Nguyễn Thành Đ, sinh năm: 1972; tên gọi khác: Hoàng E.

Nơi cư trú: ấp Hồi Th, xã Xuân H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T (chết) và bà Nguyễn Thị Nh; có vợ Nguyễn Thị Ng và 03 người con; tiền sự: không; tiền án: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ 07/3/2022 đến ngày 26/4/2022, bị cáo hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, bị cáo Nguyễn Thành T1, Huỳnh Thị Kim T2, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Hoàng Ph, Nguyễn Hoàng T4; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Võ Thanh V, Ngô Văn L, Lê Thị L1, Nguyễn Văn Đ1, Trương

Minh Th, Trần Thị Bé H1, Nguyễn Thanh D, Huỳnh Thế L, Võ Duy Ph1, Lê Văn Nh1, Nguyễn Ngọc G không có kháng cáo, không bị kháng nghị hoặc không có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị, tòa không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 16 giờ 55 phút ngày 07/3/2022 Đội Cảnh sát hình sự, Công an huyện T, tỉnh Vĩnh Long kiểm tra phát hiện Nguyễn Thành Đ (tên thường gọi Hoàng E), sinh năm: 1972, trú tại ấp Hồi Th, xã Xuân H, huyện T, Vĩnh Long đang ngồi dò số, tính tiền thắng thua số lô, số đề đã bán cho người chơi trong ngày 07/3/2022 thì bị bắt quả tang cùng tang vật.

Tang vật thu giữ: 15 tờ giấy có ghi nhiều con số được đánh số thứ tự từ 01 đến 15 có chữ ký, ghi họ tên Nguyễn Thành Đ; 03 cây viết bút, 01 cây thước kẻ bằng nhựa dẻo dài 30 cm; 01 kính đeo mắt; 01 ghế nhựa màu đỏ; số tiền 669.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã làm rõ hành vi, vai trò của Nguyễn Thành Đ như sau: bị cáo Đông thực hiện hành vi bán số lô, số đề từ tháng 10 năm 2021 đến khi bị bắt (cách ngày bị bắt quả tang khoảng 5 tháng); bị cáo dựa vào kết quả xổ số kiến thiết các tỉnh miền nam có tất cả 18 lô bao gồm: từ giải 8 đến giải đặc biệt mở thưởng trong ngày, bị cáo đứng ra hoạt động đánh bạc dưới hình thức: mua, bán, nhận rồi chuyển giao số lô, số đề. Hàng ngày, bị cáo Đ gặp trực tiếp hoặc liên lạc với các đối tượng có nhu cầu mua bán, chuyển giao số lô, số đề thông qua điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 Pro, số seri R58K32TKVSM, gắn sim số 0339.023.744, 0932.836.442 và Samsung Galaxy A11, số seri R9JN40JFYRJ, gắn sim số 0926.276.160, 0907.671.552 thông qua ứng dụng Zalo tên “Hoang Đông”, nếu ai có nhu cầu mua số lô, số đề thì gọi trực tiếp đọc số cần mua cùng số tiền và công ty xổ số cho bị cáo Đ ghi âm lại, ghi vào giấy hoặc nhắn tin hình thức SMS, zalo để mua và chuyển giao; nếu bị cáo Đ đồng ý bán và nhận số lô, số đề thông qua nhắn tin thì sẽ phản hồi “ok” hoặc theo số thứ tự tin nhắn người mua gửi đến: 1, 2, 3...sau khi nhận số lô, số đề từ người mua, bị cáo Đ sẽ chọn lọc giữ lại một số để trực tiếp chung chi với người mua (tự làm thầu đề), số còn lại chuyển giao cho bị cáo Nguyễn Thành T1 để bị cáo T1 chung chi với người mua thông qua bị cáo Đ nhằm mục đích hưởng

tiền chênh lệch (hoa hồng) từ bị cáo T1, sau khi các công ty xổ số kiến thiết mở thưởng thì bị cáo Đ tiến hành tổng hợp, đối chiếu, kiểm tra kết quả thắng, thua để thanh toán tiền với bị cáo T1 và những người mua khác.

Hình thức hoạt động và tỷ lệ thắng, thua: số lô, số đề được bị cáo Đ bán, nhận từ người khác chuyển giao với các hình thức: số đầu, đuôi và bao lô 02 con, tỷ lệ trúng là 1 trúng 70, tức mua 1.000 đồng trúng được 70.000 đồng; bao lô 03 con, tỷ lệ trúng là 1 trúng 600, tức mua 1.000 đồng trúng được 600.000 đồng; số đá 02 con, tỷ lệ trúng là 1 trúng 500.000 đồng, tức 1.000 đồng trúng được 500.000 đồng.

Để khuyến khích người chơi số lô, số đề, khi tính tiền số đầu đuôi, chỉ tính tiền 80%, tức người chơi mua 1.000 đồng, chỉ phải trả cho bị cáo Đ số tiền 800 đồng; đối với số bao lô 02 con và số đá, chỉ tính tiền 13/18 lô nhưng kết quả trúng thưởng vẫn căn cứ trên 18 lô, tức người chơi mua 1.000 đồng x 18 lô = 18.000 đồng, nhưng chỉ phải trả cho bị cáo Đ số tiền 13.000 đồng; đối với bao lô 03 con, chỉ tính tiền 13/17 lô nhưng kết quả trúng thưởng vẫn căn cứ trên 17 lô, tức người chơi mua 1.000 đồng x 17 lô = 17.000 đồng, nhưng chỉ phải trả cho bị cáo Đ số tiền 13.000 đồng. Để hưởng tiền chênh lệch, khi giao số lô, số đề lại cho bị cáo T1 tính tiền số đầu đuôi, chỉ tính tiền 75%, tức người chơi mua 1.000 đồng, bị cáo Đ chỉ phải trả cho bị cáo T1 số tiền 750 đồng; đối với số bao lô 02 con và số đá, T1 chỉ tính tiền 12,6/18 lô nhưng kết quả trúng thưởng vẫn căn cứ trên 18 lô, tức người chơi mua 1.000 đồng x 18 lô = 18.000 đồng nhưng bị cáo Đ chỉ phải trả cho bị cáo T1 số tiền 12.600 đồng; đối với số bao lô 03 con, bị cáo T1 chỉ tính tiền 12,6/17 lô nhưng kết quả trúng thưởng vẫn căn cứ trên 17 lô, tức người chơi mua 1.000 đồng x 17 lô = 17.000 đồng nhưng bị cáo Đ chỉ phải trả cho bị cáo T1 số tiền 12.600 đồng. Sau khi có kết quả xổ số, bị cáo Đ tính tiền thắng, thua và thu tiền mua số của người chơi số lô, số đề, đồng thời chung chi cho người chơi trúng số lô, số đề (đối với những con số mà bị cáo Đ tự giữ lại làm thầu); đối với những con số bị cáo Đ giao cho bị cáo T1 làm chủ thì bị cáo Đ thu tiền mua của người chơi rồi chuyển giao tiền cho bị cáo T1, bị cáo T1 chỉ trả tiền trúng số cho người mua trúng số lô, số đề thông qua bị cáo Đ để bị cáo Đ chung chi cho người chơi trúng số lô, số đề.

Trong ngày 07/3/2022 bị cáo Đ bán số lô, số đề cho 17 người tại Đồng Tháp, Cà Mau và Thành phố Hồ Chí Minh được số tiền là 236.910.000 đồng,

tuy nhiên, chỉ nhận số tiền là 166.040.000 đồng, số tiền chênh lệch là 70.087.000 đồng, được xem như là tiền chiết khấu (khuyến mãi). Sau khi bán số lô, số đề cho người khác, bị cáo Đ giữ lại để tự làm chủ thầu đề với số tiền là 32.160.000 đồng và sử dụng điện thoại di động của bị cáo Đ để nhắn tin vào điện thoại di động hiệu Nokia, số máy 23KIG74 VN00, gắn sim số 0907.975.219 cho bị cáo T1 để giao lại số lô, số đề cho bị cáo T1 với số tiền là 204.750.000 đồng, nhưng theo thỏa thuận, bị cáo Đ chỉ thực giao cho bị cáo T1 số tiền 144.305.000 đồng, còn lại số tiền 60.445.000 đồng là tiền chiết khấu để thu hút người chơi số lô, số đề.

Theo kết quả xổ số kiến thiết các đài Đồng Tháp, Cà Mau và Thành phố Hồ Chí Minh 07/3/2022 thì số tiền trúng số lô, số đề mà bị cáo Đ bán cho những người khác là 134.050.000 đồng, trong này những con số Đ tự giữ lại làm chủ đề chung chi với người mua trúng với số tiền là 19.250.000 đồng; những con số bị cáo Đ giao cho bị cáo T1 trúng với số tiền là 114.800.000 đồng. Bị cáo T1 và bị cáo Đ chưa thanh toán tiền mua số và tiền trúng số với nhau. Như vậy, số tiền bị cáo Đ dùng vào việc đánh bạc ngày 07/3/2022 là 370.960.000 đồng; số tiền bị cáo T1 dùng vào việc đánh bạc ngày 07/3/2022 là 319.550.000 đồng. Cụ thể, bị cáo Đ đã bán số lô, số đề cho những người sau:

1. Bị cáo Huỳnh Thị Kim T2, nhận số lô, số đề của một người nam tên A không rõ lai lịch, sau đó bị cáo Tuyên sử dụng điện thoại nhãn hiệu Samsung, gắn sim số 0774.836.710 nhắn tin cho bị cáo Đ để giao lại số lô, số đề cho bị cáo Đ để hưởng hoa hồng từ A và bị cáo Đ mỗi ngày từ 100.000 đồng đến 200.000đ, ngày 07/3/2022, bị cáo T2 chuyển số lô, số đề cho bị cáo Đ với tổng số tiền mua số lô, số đề là 141.480.000đ nhưng để khuyến khích người chơi số lô, số đề, bị cáo Đ chỉ nhận của bị cáo T2 số tiền là 99.036.000đ, số tiền còn lại bị cáo Đ chiết khấu cho bị cáo T2. Theo kết quả xổ số kiến thiết các đài Đồng Tháp, Cà Mau và Thành phố Hồ Chí Minh 07/3/2022 thì số tiền trúng số lô, số đề của bị cáo T2 là 92.400.000đ theo các số 30, 31, 36, 63, 37, 87, 97, 65, 59, 95, 49 bao lô 80.000đ ba đài; số 75, 57 bao lô 100.000đ 03 đài. Bị cáo Đ và bị cáo T2 chưa thanh toán tiền mua số và tiền trúng số với nhau. Như vậy, số tiền T2 dùng vào việc đánh bạc ngày 07/3/2022 là 233.880.000đ.

2. Bị cáo Nguyễn Thị Thu H, nhận số lô, số đề của một người nam tên L không rõ lai lịch; sau đó bị cáo H đã sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu

Samsung Galaxy A31, màu xanh, số máy SM-A315G/DS, gắn sim số 0907.276.309, nick Zalo tên “Thu Huong” nhắn tin vào số điện thoại và nick zalo tên “Hoang Dong” của bị cáo Đ để giao lại số lô, số đề cho bị cáo Đ để hưởng hoa hồng mỗi ngày từ 100.000đ đến 200.000đ, ngày 07/3/2022, bị cáo H chuyển số lô, số đề cho bị cáo Đ với tổng số tiền là 45.900.000đ, nhưng bị cáo Đ chỉ nhận của bị cáo H số tiền thực tế là 32.130.000đ, số tiền còn lại bị cáo Đ chiết khấu cho bị cáo H. Theo kết quả xổ số kiến thiết các đài Đồng Tháp, Cà Mau và Thành phố Hồ Chí Minh 07/3/2022 thì bị cáo H trúng được 28.000.000đ gồm các con số 31, 39, 02, 20, 30 bao lô 50.000đ 03 đài. Bị cáo Đ và bị cáo H chưa thanh toán tiền mua số và tiền trúng số với nhau. Như vậy, số tiền bị cáo H dùng vào việc đánh bạc ngày 07/3/2022 là 73.900.000đ.

3. Bị cáo Nguyễn Hoàng Ph, trú tại ấp Hồi Th, xã Xuân H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long sử dụng điện thoại hiệu Apple loại iPhone X, màu đen, gắn sim số 0939.661.122 gọi vào số điện thoại của bị cáo Đ để mua số lô, số đề với tổng số tiền là 24.900.000đ, nhưng bị cáo Đ chỉ nhận của bị cáo Ph số tiền là 17.730.000đ, số tiền còn lại bị cáo Đ chiết khấu cho bị cáo Ph. Theo kết quả xổ số kiến thiết đài Cà Mau 07/3/2022 thì bị cáo Ph trúng số 65 bao lô 500.000đ 03 đài được số tiền 3.500.000đ. Bị cáo Đ và bị cáo Ph chưa thanh toán tiền mua số và tiền trúng số với nhau. Như vậy, số tiền bị cáo Ph dùng vào việc đánh bạc ngày 07/3/2022 là 28.400.000đ.

4. Bị cáo Nguyễn Hoàng T4, sử dụng điện thoại di động hiệu Masstel, gắn sim số 0911.248.334 gọi vào số điện thoại của bị cáo Đ để mua số lô, số đề với tổng số tiền 10.800.000đ, nhưng bị cáo Đ chỉ nhận của bị cáo T4 số tiền là 7.065.000đ, số tiền còn lại bị cáo Đ chiết khấu cho bị cáo T4. Theo kết quả xổ số kiến thiết các đài Đồng Tháp và Thành phố Hồ Chí Minh 07/3/2022 thì số tiền trúng số lô, số đề của bị cáo T4 là 6.650.000đ gồm các con số 06, 60 10.000đ bao lô 03 đài; số 67 ba đài, đuôi 30.000đ; số 67 bao lô 15.000đ 03 đài. Bị cáo Đ và bị cáo T4 chưa thanh toán tiền mua số và tiền trúng số với nhau. Như vậy, số tiền bị cáo T4 dùng vào việc đánh bạc ngày 07/3/2022 là 17.450.000đ.

5. Võ Thanh V, sử dụng điện thoại di động, gắn sim số 0977.884.154 nhắn tin cho bị cáo Đ để mua số lô, số đề với tổng số tiền là 474.000đ, nhưng bị cáo Đ chỉ nhận của bị cáo V số tiền là 351.000đ, số tiền còn lại bị cáo Đ chiết

khẩu cho bị cáo V, nhưng bị cáo V chưa trả tiền mua số cho bị cáo Đ. Như vậy, số tiền bị cáo V dùng vào việc đánh bạc ngày 07/3/2022 là 474.000đ (Kết quả không trúng)

6. Ngô Văn L, sử dụng điện thoại di động, gắn sim số 0939.441.026 nhắn tin vào số điện thoại của bị cáo Đ để mua số lô, số đề với tổng số tiền là 810.000đ, nhưng bị cáo Đ chỉ nhận của L số tiền 597.500đ, số tiền còn lại bị cáo Đ chiết khấu cho L. Theo kết quả xổ số kiến thiết đài Cà Mau ngày 07/3/2022 L trúng được 700.000đ. Bị cáo Đ và L chưa thanh toán tiền mua số và tiền trúng số với nhau. Như vậy, số tiền L dùng vào việc đánh bạc ngày 07/3/2022 là 1.510.000đ

7. Lê Thị L1, sử dụng điện thoại di động, số thuê bao 0907.201.196 nhắn tin vào số điện thoại của bị cáo Đ để mua số lô, số đề với tổng số tiền là 4.920.000đ, nhưng bị cáo Đ chỉ nhận của L1 số tiền 3.570.000đ, số tiền còn lại bị cáo Đ chiết khấu cho L1; L1 chưa trả tiền mua số cho bị cáo Đ. Như vậy, số tiền L1 dùng vào việc đánh bạc ngày 07/3/2022 là 4.920.000đ (Kết quả không trúng)

8. Nguyễn Văn Đ1, sử dụng điện thoại di động Nokia gắn sim số 0365.525.552 gọi vào số điện thoại của bị cáo Đ để mua số lô, số đề với tổng số tiền là 540.000đ, nhưng bị cáo Đ chỉ nhận của L1 số tiền 390.000đ, số tiền còn lại bị cáo Đ chiết khấu cho Đ1; Đ1 chưa trả tiền mua số cho bị cáo Đ. Như vậy, số tiền Đ1 dùng vào việc đánh bạc ngày 07/3/2022 là 540.000đ (Kết quả không trúng).

9. Lê Văn Nh1, sử dụng điện thoại di động, gắn sim số 0979.071.741 gọi vào số điện thoại của bị cáo Đ để mua số lô, số đề với tổng số tiền là 780.000đ, nhưng bị cáo Đ chỉ nhận của Nh1 số tiền 590.000đ, số tiền còn lại bị cáo Đ chiết khấu cho Nh1; Nh1 đã trả đủ tiền mua số cho Đ. Như vậy, số tiền Nh1 dùng vào việc đánh bạc ngày 07/3/2022 là 780.000đ. (Kết quả không trúng)

10. Trương Minh Th, gặp trực tiếp tại nhà của bị cáo Đ để mua số lô, số đề với tổng số tiền là 180.000đ, nhưng bị cáo Đ chỉ nhận của Th số tiền 132.500đ, số tiền còn lại bị cáo Đ chiết khấu cho Th. Th chưa trả tiền mua số cho bị cáo Đ. Như vậy, số tiền Th dùng vào việc đánh bạc ngày 07/3/2022 là 180.000đ (Kết quả không trúng).

11. Trần Thị Bé H1, sử dụng điện thoại gọi vào số điện thoại của bị cáo Đ

để mua số lô, số đề với số tiền là 126.000đ, nhưng bị cáo Đ chỉ nhận của H1 số tiền 100.000đ, số tiền còn lại bị cáo Đ chiết khấu cho H1; H1 đã trả đủ tiền mua số cho Đ. Như vậy, số tiền H1 dùng vào việc đánh bạc ngày 07/3/2022 là 126.000đ. (Kết quả không trúng)

12. Nguyễn Thanh D, sử dụng điện thoại gọi vào số điện thoại của Nguyễn Thành Đ để mua số lô, số đề với số tiền là 1.320.000đ nhưng bị cáo Đ chỉ nhận của D số tiền 960.000đ, số tiền còn lại bị cáo Đ chiết khấu cho D. Theo kết quả xổ số kiến thiết đài Đồng Tháp ngày 07/3/2022 thì D trúng số lô, số đề 700.000đ; Đ và D chưa thanh toán tiền mua số và tiền trúng số với nhau. Như vậy, số tiền D dùng vào việc đánh bạc ngày 07/3/2022 là 2.020.000đ.

13. Huỳnh Thế L, sử dụng điện thoại nhắn tin vào số điện thoại của Nguyễn Thành Đ để mua số lô, số đề với số tiền là 540.000đ, nhưng bị cáo Đ chỉ nhận của L số tiền 390.000đ; số tiền còn lại bị cáo Đ chiết khấu cho L. L chưa trả tiền mua số cho Đ. Như vậy, số tiền L dùng vào việc đánh bạc ngày 07/3/2022 là 540.000đ. (Kết quả không trúng)

14. Võ Duy Ph1, sử dụng điện thoại nhắn tin vào số điện thoại của Nguyễn Thành Đ để mua số lô, số đề với số tiền là 540.000đ, nhưng bị cáo Đ chỉ nhận của Ph1 số tiền 390.000đ; số tiền còn lại bị cáo Đ chiết khấu cho Ph1. Theo kết quả xổ số kiến thiết đài Đồng Tháp và đài Cà Mau ngày 07/3/2022 thì Ph1 trúng 1.400.000đ; bị cáo Đ và Ph1 chưa thanh toán tiền mua số và tiền trúng số với nhau. Như vậy, số tiền Ph1 dùng vào việc đánh bạc ngày 07/3/2022 là 1.940.000đ.

Ngoài 14 người chơi số lô, số đề nêu trên, bị cáo Đ còn bán cho các những người chơi số lô, số đề không rõ lai lịch với số tiền 3.600.000đ như sau:

1. Người nam Đ5 gọi bằng Cậu Út, không rõ lai lịch trực tiếp gặp mua số lô, số đề của bị cáo Đ tại khu vực chợ xã Xuân H với số tiền 900.000đ, nhưng bị cáo Đ chỉ nhận của người này số tiền 648.000đ, số tiền còn lại bị cáo Đ chiết khấu cho người này; người này chưa trả tiền mua số cho Đ.

2. Người nam tên Q không rõ lai lịch gọi điện thoại vào số điện thoại của bị cáo Đ mua số lô, số đề với số tiền 1.080.000đ, nhưng bị cáo Đ chỉ nhận của Q số tiền 780.000đ, số tiền còn lại bị cáo Đ chiết khấu cho Q. Theo kết quả xổ số kiến thiết đài Đồng Tháp ngày 07/3/2022 thì số tiền trúng số lô, số đề của Q là 700.000đ; bị cáo Đ và Q chưa thanh toán tiền mua số và tiền trúng số với nhau.

3. Người nam tên L6 không rõ lai lịch nhấn tin vào số điện thoại của Đ mua số lô, số đề với số tiền 1.620.000đ, nhưng bị cáo Đ chỉ nhận của L6 số tiền là 1.180.000đ, số tiền còn lại bị cáo Đ chiết khấu cho L6. L6 chưa trả tiền mua số cho Đ.

Về vật chứng thu giữ:

- 15 tờ giấy có ghi nhiều con số được đánh số thứ tự từ 01 đến 15 có chữ ký, ghi họ tên Nguyễn Thành Đ.

- 03 cây viết bút (02 cây viết bút có mực màu xanh, 01 cây viết bút có mực màu đỏ).

- 01 cây thước kẻ bằng nhựa dẻo dài 30 cm.

- 01 kính đeo mắt, tròng màu trắng, gọng bằng kim loại màu vàng.

- 01 ghế nhựa màu đỏ kích thước (0,30m x 0,26m x 0,26m).

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 Pro, số seri R58K32TKVSM, gắn sim số 0339.023.744, 0932.836.442 và Samsung Galaxy A11, số seri R9JN40JFYRJ, gắn sim số 0926.276.160, 0907.671.552 của Nguyễn Thành Đ.

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia, loại bàn phím, màu đen, số máy 23KIG74 VN00 của Nguyễn Thành T1.

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A31, số máy SM-A315G/DS của Nguyễn Thị Thu H.

- 01 điện thoại di động hiệu Apple loại iPhone X, màu đen, gắn sim số 0939.661.122 của Nguyễn Hoàng Ph.

- 01 điện thoại di động loại bàn phím, hiệu Energizer, màu đen, gắn sim số 0901.492.849 của Võ Duy Ph1

- 01 điện thoại di động hiệu OPPO, màn hình cảm ứng, màu trắng gắn sim số 0977.884.154 của Võ Thanh V.

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia, loại bàn phím, gắn sim số 0899.048.769 của Huỳnh Thế L.

- Số tiền 70.177.500đ, bao gồm: số tiền 669.000đ thu giữ tại nhà của Nguyễn Thành Đ và số tiền 69.508.500đ do các bị cáo và các đối tượng khác tự nguyện giao nộp (50.000.000 đồng của Nguyễn Thành Đ; 6.000.000đ của Nguyễn Hoàng Ph; 7.065.000đ của Nguyễn Hoàng T4; 351.000đ của Võ Thanh V; 3.570.000đ của Lê Thị L1; 390.000đ của Nguyễn Văn Đ1; 260.000đ của Lê

Văn Nh1; 132.500đ của Trương Minh Th; 960.000đ của Nguyễn Thanh D; 390.000đ của Huỳnh Thế L; 390.000đ của Võ Duy Ph1). Hiện do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đang quản lý.

Về trách nhiệm dân sự: Nguyễn Ngọc G là con ruột của bị cáo Đ nộp tiền thu lợi bất chính thay bị cáo Đ với số tiền 50.000.000 đồng nhưng G không yêu cầu bị cáo Đ phải trả lại.

Tại bản án Hình sự sơ thẩm số: 54/2022/HS-ST ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành Đ phạm tội “Đánh bạc”.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo 02 (hai) năm tù; thời hạn tù của bị cáo được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, trừ vào thời gian tạm giữ từ ngày 07/3/2022 đến ngày 26/4/2022.

Áp dụng khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Phạt bổ sung: buộc bị cáo Nguyễn Thành Đ nộp 40.000.000 đồng

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định xử phạt các bị cáo Nguyễn Hoàng T4, Nguyễn Hoàng Ph, Nguyễn Thị Thu H, Huỳnh Thị Kim T2, Nguyễn Thành T1 mức hình phạt từ 30.000.000 đồng đến 03 năm tù, về tội “Đánh bạc” và hình phạt bổ sung đối với các bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng, quyết định về trách nhiệm dân sự; án phí; xử lý vật chứng và quyền kháng cáo vụ án theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03 tháng 01 năm 2023, bị cáo Nguyễn Thành Đ có đơn kháng cáo với nội dung: xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo trình bày: vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu quan điểm: sau khi phân tích hành vi phạm tội của bị cáo, phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thành Đ, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm: 54/2022/HS-ST ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2

Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành Đ 02 (hai) năm tù về tội “Đánh bạc”; thời hạn tù của bị cáo được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, trừ vào thời gian tạm giữ từ ngày 07/3/2022 đến ngày 26/4/2022. Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Lời nói sau cùng của bị cáo: xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng; do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: căn cứ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã xác định ngày 07/3/2023 bị cáo Nguyễn Thành Đ đã có hành vi bán số đầu, số đuôi bị bắt quả tang. Tổng số tiền bị cáo Đ bán số đầu, số đuôi cho nhiều người là 370.960.000 đồng. Do đó, cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Đ về tội “Đánh bạc” là có căn cứ.

[3] Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt: bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo là không có căn cứ chấp nhận, khi xét xử cấp sơ thẩm đã xem xét hết các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ, mức án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Tại cấp phúc thẩm bị cáo không cung cấp tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có căn cứ xem xét đơn kháng cáo của bị cáo.

[4] Lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: do không chấp nhận kháng cáo của bị cáo nên bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[6] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thành Đ; giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 54/2022/HS-ST ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành Đ 02 (hai) năm tù, về tội “Đánh bạc”; thời hạn tù của bị cáo được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, trừ vào thời gian tạm giữ từ ngày 07/3/2022 đến ngày 26/4/2022.

Án phí: căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC: 01;
- TANDCC: 01;
- VKSNDCC: 01;
- VKSND TVL: 02;
- TAND H T: 02;
- VKSND + CQĐT H T: 02;
- CQTHADS +THAHS H T: 02;
- TG + BC: 02;
- PHSCAVL: 01;
- STP: 01;
- UBND, CA xã Xuân H: 02;
- Lưu VP, P.KTNV, lưu hồ sơ vụ án: 02.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Huỳnh Thị Kiều Duyên

